UBND PHƯỜNG RẠCH GIÁ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21 /TB-BQL

Rạch Giá, ngày 13 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình Đường Trần Mai Ninh (đoạn từ đường Võ Trường Toản đến Đê biển)

Căn cứ các cơ sở pháp lý lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình Đường Trần Mai Ninh (đoạn từ đường Võ Trường Toản đến Đê biển) tại phường Rạch Giá:

* Các căn cứ pháp lý:

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Luật số 43/2024/QH15 luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ về việc quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền 02 cấp, phân quyền, phấn cấp trong lĩnh vực đất đai;

Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/012026 của chính phủ về việc quy định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của nghị quyết số 254/2025/QH15 của quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh An Giang Ban hành quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang Quy định đơn giá xây dựng mới, việc bồi thường thiệt hại đối với nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc thông dụng, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Quyết định số 07/2026/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết của Quốc hội quy định một số chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30/7/2020 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn (lần III) giai đoạn 2021-2025, bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá (nay là phường Rạch Giá);

Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 27/3/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá;

Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Rạch Giá về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê biển);

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 15/8/2025 của Hội đồng nhân dân phường Rạch Giá về kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn phường Rạch Giá;

Quyết định số 69/2026/QĐ-UBND ngày 18/7/2026 của UBND tỉnh An Giang quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Thông báo thu hồi đất số 199/TB-UBND ngày 08/10/2025 của UBND phường Rạch Giá về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện để thực hiện Công trình đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê biển);

Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 08/10/2025 UBND phường Rạch Giá về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện Công trình đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê biển);

Đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phối hợp với chính quyền địa phương, các ngành liên quan và chủ sử dụng đất tiến hành điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm đất và tài sản trên đất của các hộ nằm trong

khu vực thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Công trình đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê biển) theo trình tự, thủ tục quy định;

Nay Ban quản lý dự án phường Rạch Giá phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Rạch Giá tiến hành niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với nội dung thông báo như sau:

1. Niêm yết dự thảo phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê biển)*(kèm theo phương án dự thảo)*.

2. Địa điểm niêm yết:

- Trụ sở UBND phường Rạch Giá.

- Trụ sở Khu phố Lê Anh Xuân.

3. Thời gian niêm yết: 10 ngày, kể từ ngày 13/11/2026 đến hết ngày 23/11/2026 và gửi trực tiếp phiếu tham khảo dự thảo Phương án đến hộ gia đình, cá nhân.

4. Đề nghị hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án đến tại địa điểm niêm yết trên để đối soát và có ý kiến phản hồi lại cho Ủy ban nhân dân phường Rạch Giá, Ban quản lý dự án phường để được đối chiếu, xem xét, giải quyết (nếu có) trong thời gian niêm yết. Hết thời gian niêm yết nêu trên sẽ không cập nhật tổng hợp các vấn đề phát sinh liên quan đến thông báo.

Ban quản lý dự án phường Rạch Giá thông báo đến hộ gia đình, cá nhân được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND Phường Rạch Giá;
- Phòng KTHTĐT;
- Khu phố Lê Anh Xuân;
- Lưu: VT.

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Võ Văn Tý

BAN
CUAN LY
DU AN

UBND PHƯỜNG RẠCH GIÁ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 60 /PA-BQL

Rạch Giá, ngày 13 tháng 11 năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án: Đường Trần Mai Ninh (đoạn từ đường Võ Trường Toản đến Đê biển)

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
I. Các căn cứ pháp lý

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Luật số 43/2024/QH15 luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ về việc quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/012026 của chính phủ về việc quy định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của nghị quyết số 254/2025/QH15 của quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh An Giang Ban hành quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang Quy định đơn giá xây dựng mới, việc bồi thường thiệt hại đối với nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc thông dụng, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Quyết định số 07/2026/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết của Quốc hội quy định một số chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30/7/2020 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn (lần III) giai đoạn 2021-2025, bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá (nay là phường Rạch Giá);

Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 27/3/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Rạch Giá;

Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Rạch Giá về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê biển);

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 15/8/2025 của Hội đồng nhân dân phường Rạch Giá về kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn phường Rạch Giá;

Quyết định số 69/2026/QĐ-UBND ngày 18/7/2026 của UBND tỉnh An Giang quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Thông báo thu hồi đất số 199/TB-UBND ngày 08/10/2025 của UBND phường Rạch Giá về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện để thực hiện Công trình đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê biển);

Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 08/10/2025 UBND phường Rạch Giá về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện Công trình đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê biển);

Các văn bản có liên quan.

II. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gồm:

1.Tổng diện tích đất thu hồi, diện tích từng loại đất thu hồi:

Tổng diện tích thu hồi là 5.906,36 m², trong đó:

- Đất ở đô thị: 256,47 m2,

- Đất nông nghiệp: 1.628,57 m2,

- Đất Nhà nước quản lý: 480,26 m2.

- Đất rừng phòng hộ (ngoài đê quốc phòng): 3.541,06 m2

2. Tổng số người có đất thu hồi:

Tổng số có 37 hộ gia đình, cá nhân, trong đó có 03 vắng chủ.

3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Hỗ trợ bằng tiền bằng 3 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất theo quy định tại Điều 13 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang. Do người dân không có nhu cầu đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

4. Phương án bố trí tái định cư: số hộ gia đình, cá nhân được bố trí tái định cư, các khu tái định cư, địa điểm khu tái định cư, hình thức tái định cư (bằng đất, bằng nhà ở);

Số hộ gia đình, cá nhân được xét tái định cư là 03, số nền tái định cư được bố trí là 03 nền, áp dụng theo quy định tại Điều 111 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024 và điều 11 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Các khu tái định cư gồm: Khu tái định cư Tây Bắc, khu tái định cư đường Nguyễn Thái Bình, khu tái định cư đường Võ Trường Toàn (đang thực hiện đầu tư),… theo Thông báo thu hồi đất số: 119/TB-UBND ngày 08/10/2025 của UBND phường Rạch Giá.

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi;

Trong phạm vi dự án không thực hiện

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi;

Trong phạm vi dự án không có các công trình hạ tầng như: Nhà ga, cầu phao, bến phà, cầu cảng v.v….. nên không thực hiện phương án này.

7. Kinh phí chi cho bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 7.878.752.487 đồng.

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

- Tháng 11 năm 2026 trình thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Tháng 12 năm 2026 thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Thu hồi đất thực hiện dự án

9. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản;

Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản được xây dựng riêng cho từng người kèm theo phương án tổng bồi thường.

10. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

11. Tổng kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Tổng kinh phí: 8.863.735.125 đồng *(Bằng chữ: Tám tỷ, tám trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi lăm ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng)*. Trong đó:

I.	**Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (1+2)**	**7.914.049.219**	**đồng**
1.	**Kinh phí bồi thường (a+b+c+d)**	**7.052.933.119**	**đồng**
a.	Đất đai	1.512.877.034	đồng
b.	Cây trồng, hoa màu	236.861.000	đồng
c.	Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất	4.997.997.085	đồng
d.	Bồi thường, hỗ trợ khác	305.198.000	đồng
2.	**Kinh phí hỗ trợ**	**861.116.100**	**đồng**
	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	861.116.100	đồng
3.	**Tái định cư**		
	Số nền tái định cư (37 hộ gia đình, cá nhân)	3	nền
II.	**Chi phí đảm bảo tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (tạm tính)**	**158.280.984**	**đồng**
	Kinh phí phục vụ công tác (2% x I)	158.280.984	đồng
III.	**Dự phòng phí 10% (10% x I)**	**791.404.922**	**đồng**
	Tổng cộng:(I+II+III)	**8.863.735.125**	**đồng**

Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

Đơn vị đo đạc, lập phương án, chi trả tiền bồi thường: Ban quản lý dự án phường Rạch Giá.

Trên đây là kết quả tổng hợp lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình Trần Mai Ninh (đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Đê biển), phường Rạch Giá, tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:
- Hội đồng BT,HT và TĐC;
- Phòng KTHTĐT;
- Lưu: VT.

ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Võ Văn Tý
PHÓ GIÁM ĐỐC

UBND PHƯỜNG RẠCH GIÁ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

B. BẢNG TỔNG HỢP BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG TRẦN MAI NINH (TỪ ĐƯỜNG VÕ TRƯỜNG TOẢN ĐẾN ĐÊ BIỂN), PHƯỜNG RẠCH GIÁ, TỈNH AN GIANG

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khẩu	Đất đai							Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất							Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
				Số tờ	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30=12+13+17+24+29)	(31)	(32)
		Tổng cộng					**5.906,36**		**0**	**0**	**1.512.877.034**	**861.116.100**		**622**		**236.861.000**							**4.997.997.085**					**305.198.000**	**7.914.049.219**		
1	**1**	**Lê Văn Của**					**72,98**				**215.787.264**	**0**		**0**		**0**							**0**					**0**	**215.787.264**		
		Năm sinh1987; CCCD 091087008069		76 (GCN)	2159	Đất ở VT1 - đường Võ Trường Toản	72,98		2.956.800		215.787.264													Tái định cư	nền	1				Đất có giấy chứng nhận QSDĐ số DD 035828 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp cho Lê Văn Của ngày 22/02/2022. Hiện trạng trên đất không có nhà ở, ông Của đang quản lý sử dụng cho đến nay (diện tích đất trong GCN 107,2.m2; thu hồi đất 72,96 m2, còn lại 34,24 m2).	Đủ điều kiện bồi thường theo điều 95 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024
		Địa chỉ khu đất: KP Lê Anh Xuân, đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang		11 (ĐC RG)																											Đủ điều kiện bố trí tái định cư theo khoản Điều 98 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024
		Địa chỉ thường trú: Tổ 1, ấp Hoà Thọ, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang																													
		ĐT: 0989.477581																													
2	**2**	**Lê Võ Việt Minh Toàn**	**2**				**107,12**	**100**			**316.732.416**	**0**		**0**		**0**							**11.232.000**					**0**	**327.964.416**		
		Năm sinh: 1983; CCCD: 091083017408		76 (GCN)	2158	Đất ở VT1 - đường Võ Trường Toản	107,12		2.956.800		316.732.416						Sân nền bê tông đá 1x2 mác 250	SN.02	m2	36,00		312.000	11.232.000	Tái định cư	nền	1				Đất có giấy chứng nhận QSDĐ số DD 035827 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp cho Đoàn Sử Sinh ngày 22/02/2022. Ngày 26/10/2022 đã chuyển nhượng sang cho ông Lê Võ Việt Minh Toàn. Hiện trạng trên đất không có nhà ở, ông Toàn đang quản lý sử dụng cho đến nay (diện tích đất trong GCN 107,10.m2; thu hồi đất 107,10m2).	Đủ điều kiện bồi thường theo điều 95 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024
		Địa chỉ khu đất: KP Lê Anh Xuân, đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang		11 (BĐ RG)																											Đủ điều kiện bố trí tái định cư theo khoản Điều 98 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024
		Địa chỉ thường trú: 35 Trần Phú, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang																													Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0939 220355																													
3	**3**	**Nguyễn Thị Tiền**					**174,39**	**59,41**			**96.681.816**	**0**		**0**		**0**							**1.132.442.770**					**20.348.000**	**1.249.472.586**		
		1980-091180005680		76 (GCN)	439	Đất CLN VT1 - đường Võ Trường Toản	153,00		554.400		84.823.200						Nhà tiền chế có vách	NTC.01	m2	24,00		1.298.000	31.152.000	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (>100m2)	Hộ	1	17.000.000	17.000.000		Đất có giấy chứng nhận QSDĐ số DH 145091 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh ngày 29/12/2022. Ngày 19/5/2023 đã chuyển nhượng sang cho bà Nguyễn Thị Tiền. Hiện trạng trên đất có nhà cất năm 2001, bà Tiền quản lý sử dụng cho đến nay (diện tích đất trong GCN 207,70.m2; thu hồi đất 153,00 m2, còn lại 54,70 m2).	Đủ điều kiện bồi thường theo điều 95, Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024
		Địa chỉ khu đất: KP Lê Anh Xuân, đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang		11 (BĐ RG)		Đất CLN VT1 - đường Võ Trường Toản (ngoài gcn)	21,39		554.400		11.858.616						Nền gạch men (nhà tiền chế)	VKT.37	m2	24,00		480.000	11.520.000							Phần diện tích 21,39 m² (thuộc tờ 11, thửa 439) nằm ngoài GCN, có cùng nguồn gốc và thời điểm sử dụng theo QSDĐ số DH 145091 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/12/2022	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		Địa chỉ thường trú: 171 Nguyễn Thị Định, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Nhà tiền chế không vách	NTC.02	m2	0,50		903.000	451.500							Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khấu	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất							Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
							Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
		Chồng: Lê Võ Việt Minh Tuân															Nhà C4, móng và cột xây gạch, gạch men, mái tôn sóng vuông	C4.05	m2	43,50		4.162.000	181.047.000	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp từ 30% đến 70% không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	3.348.000	3.348.000		Tỷ lệ mất đất nông nghiệp từ 30% đến 70%	Hỗ trợ ổn định đời sống theo khoản 1 điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024.
																	Ốp tường bằng gạch men	VKT.25	m2	17,42		412.000	7.177.040							Công văn số 2730/BHXH-QLT ngày 30/10/2026 xác nhận đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội là Viên chức	
																	Nhà vệ sinh trong nhà, có hầm tự hoại; Tường xây gạch, xi bệt, không ốp gạch men.	WC.02	m2	2,00		10.368.000	20.736.000								
																	Láng nền, sàn vữa xi măng không đánh màu, vữa mác 75, có bê tông lót đá 4x6, mác 100	VKT.29	m2	6,00		199.000	1.194.000								
																	Nhà C2; Móng và cột BTCT, không có khu vệ sinh trong nhà, mái tôn sóng vuông, nền gạch men	C2.13	m2	7,50		6.372.000	47.790.000								
																	Nhà C3; Móng và cột BTCT, mái tôn sóng vuông, gạch men; không có trần và khu vệ sinh	C3.05	m2	65,80		6.222.000	409.407.600								
																	Nhà vệ sinh trong nhà, có hầm tự hoại; Tường xây gạch, xi bệt, ốp gạch men.	WC.01	m2	4,20		10.958.000	46.023.600								
																	Ốp tường bằng gạch men	VKT.25	m2	112,85		412.000	46.494.200								
																	Làm trần tấm nhựa các loại	VKT.46	m2	66,24		491.000	32.523.840								
																	Nhà tiền chế có vách	NTC.01	m2	27,16		1.298.000	35.253.680								
																	Nhà C4, móng và cột xây gạch, nền gạch Ceramic hoặc gạch men, mái tôn sóng vuông hoặc giả ngói	C4.05	m2	24,65		4.162.000	102.593.300								
																	Nhà vệ sinh kiêm nhà tắm trong nhà, không có hầm tự hoại	WC.15	m2	1,00		2.761.000	2.761.000								
																	Nhà C4, móng và cột xây gạch, nền gạch Ceramic hoặc gạch men, mái tôn sóng vuông hoặc giả ngói	C4.05	m2	35,25		4.162.000	146.710.500								
																	Nhà tắm, nhà vệ sinh riêng biệt trong nhà không có hầm tự hoại	WC.15	m2	2,80		2.761.000	7.730.800								
																	Mái che tôn	MCT.01	m2	7,76		242.000	1.876.710								
4	**4**	**Nguyễn Trung Thành**					**138,32**	**26,16**			**64.401.821**	**0**		**1**		**4.800.000**							**261.999.504**					**18.674.000**	**349.875.325**		
		1985 - 034085015606		76 (GCN)	475	Đất trồng cây hàng năm VT1 - đường Võ Trường Toản	114,01		465.600		53.083.056		Xanh A	1	4.800.000	4.800.000	Nhà tiền chế có vách	NTC.01 80%	m2	31,20		1.038.400	32.398.080							Đất có giấy chứng nhận QSDĐ số AC 500302 do UBND thành phố Rạch Giá cấp cho Nguyễn Trung Thành ngày 15/02/2006. Hiện trạng trên đất có nhà cất năm 2021, ông Thành quản lý sử dụng cho đến nay (diện tích đất trong GCN 628,05m2; thu hồi đất 114,01 m2, còn lại 514,04 m2).	Đủ điều kiện bồi thường theo điều 95 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khẩu	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất							Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
				Số tờ	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang		11 (BĐ RG)		Đất trồng cây hàng năm VT1 - đường Võ Trường Toản (ngoài gcn)	24,31		465.601		11.318.765						Nền gạch men (nhà tiền chế)	VKT.37 80%	m2	31,20		384.000	11.980.800	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (>100m2)	Hộ	1	17.000.000	17.000.000		Phần diện tích 24,31 m² (thuộc tờ 11, thửa 475) nằm ngoài GCN, có cùng nguồn gốc và thời điểm sử dụng theo QSDĐ số AC 500302 do UBND thành phố Rạch Giá cấp ngày 15/02/2006	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: 102 Võ Trường Toản															Sân nền bê tông đá 1x2	SN.02 80%	m2	24,60		249.600	6.140.160	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp dưới 30% không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	1.674.000	1.674.000		Tỷ lệ mất đất nông nghiệp dưới 30%	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0948 831 757															Nhà tiền chế có vách	NTC.01 80%	m2	39,00		1.038.400	40.497.600								Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
																	Nhà tạm khung cột thép, nền gạch men, mái tôn sóng vuông	T.01 80%	m2	31,20		1.572.800	49.071.360								Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang
																	Trần tấm thạch cao Prima	VKT.49 80%	m2	39,00		327.200	12.760.800								Không đủ điều kiện hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm do đất nông nghiệp đã sử dụng không đúng mục đích sử dụng đất nông nghiệp
																	Nhà C4, móng cột gạch, nền gạch men, mái tôn sóng vuông	C4.05 80%	m2	21,93		3.329.600	73.018.128								
																	Trần tấm thạch cao Prima	VKT.49 80%	m2	20,16		327.200	6.596.352								
																	Sân nền bê tông đá 1x2 mác 250	SN.02 80%	m2	22,68		249.600	5.660.928								
																	Hàng rào xây trụ tường xây 10cm bằng gạch, lưới B40, không trát vữa xi măng	HR.11 80%	m2	34,54		660.000	22.796.400								
																	Tường xây 10cm, không trát (bó nền)	VKT.60 80%	m2	7,98		135.200	1.078.896								
5	**5**	**Phan Thanh Sơn**					**17,66**	**1,11**			**49.227.649**	**0**		**7**		**532.000**							**0**					**0**	**49.759.649**		
		Năm sinh: 1973; CCCD: 089073000413		76 (GCN)	61	Đất ở VT1 - đường Võ Trường Toản	16,46		2.956.800		48.668.928		Chuối B	7	76.000	532.000														Đất có giấy chứng nhận QSDĐ số BU 454396 do UBND thành phố Rạch Giá cấp cho Phan Thanh Sơn ngày 20/11/2014. Hiện trạng trên đất không có nhà ở, ông Sơn quản lý sử dụng cho đến nay (diện tích đất trong GCN 705 m2 (112 m2 đất cây lâu năm, 593 m2 đất ở); thu hồi đất 16,45 m2 đất ở, còn lại 575,6 m2 đất ở, 112 m2 đất cây lâu năm.	Đủ điều kiện bồi thường theo điều 95 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang		11 (ĐC RG)		Đất trồng cây hàng năm VT1 - đường Võ Trường Toản (ngoài gcn)	1,20		465.601		558.721																		Phần diện tích 1,2 m² (thuộc tờ 11, thửa 475) nằm ngoài GCN, có cùng nguồn gốc và thời điểm sử dụng theo QSDĐ số BU 454396 do UBND thành phố Rạch Giá cấp ngày 20/11/2014	Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: Lô 4-05 Cụm Dân cư, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang																												
		ĐT: 0914494161																												

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khấu	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất						Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
							Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
6	**6**	**Lê Võ Việt Minh Tuân**					**528,58**	**75,04**			**285.481.023**	**468.614.760**				**0**						**220.191.744**				**19.696.000**		**993.983.527**		
		Năm sinh1981; CCCD: 091081010220		76 (GCN)	2160	Đất trồng cây hàng năm VT1 - đường Võ Trường Toàn	489,23		465.600		227.785.488						Nhà C4, móng và cột xây gạch, nền gạch Ceramic hoặc gạch men, mái tôn sóng vuông hoặc giả ngói	C4.05 80%	m2	59,44		3.329.600	197.911.424							Đất có giấy chứng nhận QSDĐ số DD 035829 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp cho Lê Võ Việt Minh Tuân ngày 22/02/2022. Hiện trạng trên đất có căn nhà xây dựng năm 2019, ông Tuân đang quản lý sử dụng cho đến nay (diện tích đất trong GCN 951m2 (652 m2 đất trồng cây hàng năm; 298,5 đất ở), thu hồi đất 528,58 m2 (489,23 m2 đất trồng cây hàng năm; 38 m2 đất ở), còn lại 162,77 m2 đất cây hàng năm, 260,5 m2 đất ở.	Đủ điều kiện bồi thường theo điều 95 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toàn, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang		11 (ĐC RG)		Đất trồng cây hàng năm VT1 - đường Võ Trường Toàn (Hỗ trợ CĐN và TKVL)	402,59			1.164.000		468.614.760					Nhà vệ sinh kiêm nhà tắm trong nhà, có hầm tự hoại; Tường xây gạch, xi xốm, không ốp gạch men.	WC.04 80%	m2	2,00		7.995.200	15.990.400								Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: E6-20 Đống Đa, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang				Đất ở VT1 - đường Võ Trường Toàn	1,35		2.956.800		3.991.680						Sân nền bê tông đá 1x2	SN.02 80%	m2	25,20		249.600	6.289.920	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp trên 70% không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	6.696.000	6.696.000		Tỷ lệ mất đất nông nghiệp trên 70%	Hỗ trợ ổn định đời sống theo điểm a khoản 1 điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024
		ĐT: 0918.243606				Đất ở VT3 - đường Võ Trường Toàn	34,89		1.448.832		50.549.748												Di chuyển trong phạm vi cấp xã (từ 50m2 đến 100m2)	Hộ	1	13.000.000	13.000.000			Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
						Đất ở VT4 - đường Võ Trường Toàn	3,11		1.014.182		3.154.107																		Công văn số 2730/BHXH-QLT ngày 30/10/2026 xác nhận đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội là người tham gia theo hộ gia đình	Hỗ trợ tiền chuyển đổi nghề theo Điều 109 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024 (
7	**7**	**Trần Thiện Liêm**					**284,86**	**54,25**			**157.926.384**	**392.501.340**		**4**		**1.106.000**						**0**				**3.348.000**		**554.881.724**		
		Năm sinh1974; CCCD: 091074007700	6	76 (GCN)	182	Đất CLN VT1 - đường Võ Trường Toàn	283,19		554.400		157.000.536		Mít D	2	180.000	360.000													Đất có giấy chứng nhận QSDĐ số P 866011 do UBND thị xã Rạch Giá cấp cho bà Nguyễn Thị Kim ngày 29/6/200. Đến ngày 17/4/2003 bà Kim chuyển nhượng đất lại cho bà Trần Ly Ly. Ngày 12/01/2004 bà Ly chuyển nhượng đất cho bà Phạm Thị Ngọc Hương. Ngày 28/9/2007 bà Hương chuyển nhượng đất cho ông Trần Thiện Liêm. Hiện trạng trên đất không có nhà ở, ông Liêm quản lý sử dụng cho đến nay (diện tích đất trong GCN 525,5 m2, thu hồi đất 283,19 m2, còn lại 242,31 m2.	Đủ điều kiện bồi thường theo điều 95 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toàn, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang		11 (ĐC RG)		Đất CLN VT1 - đường Võ Trường Toàn (ngoài gen)	1,67		554.400		925.848		Bàng D	1	600.000	600.000													Phần diện tích 1,26 m² (thuộc tờ 11, thửa 128) nằm ngoài GCN, có cùng nguồn gốc và thời điểm sử dụng theo QSDĐ số P 866011 do UBND thị xã Rạch Giá cấp ngày 29/6/200	Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: 27 Tú Xương, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang				Đất CLN VT1 - đường Võ Trường Toàn (Hỗ trợ CĐN và TKVL)	283,19			1.386.000		392.501.340	Đu đủ B	1	146.000	146.000							Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp từ 30% đến 70% không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	3.348.000	3.348.000		Tỷ lệ mất đất nông nghiệp từ 30% đến 70%	Hỗ trợ ổn định đời sống theo khoản 1 điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024.
		ĐT: 0918 243 606																											Công văn số 2730/BHXH-QLT ngày 30/10/2026 xác nhận đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội là người tham gia theo hộ gia đình	Hỗ trợ tiền chuyển đổi nghề theo Điều 109 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024
		Vợ: Nguyễn Thị Ái Năm sinh1974																												

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khẩu	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất						Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
							Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
8	**8**	**Võ Mạnh Thường**					**251,52**	**49,66**			**154.934.354**	**0**		**0**		**0**							**969.807.250**					**20.348.000**	**1.145.089.604**		
		Năm sinh: 1959; CCCD: 040059017146		76 (GCN)	91	Đất ở VT3 - đường Võ Trường Toản	13,84		1.448.832		20.051.835						Nhà C4, móng và cột xây gạch, nền gạch men, mái tôn sóng vuông hoặc giả ngói	C4.05	m2	114,88		4.162.000	478.130.560							Đất có giấy chứng nhận QSDĐ số CV 687866 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp cho Võ Mạnh Thường ngày 23/02/2021. Hiện trạng trên đất có căn nhà xây dựng năm 2002, ông Thường quản lý sử dụng cho đến nay (diện tích đất trong GCN 765,1 m2 (300 m2 đất ở, 465,1 m2 đất cây lâu năm), thu hồi đất 251,52 m2 (20,61 m2 đất ở, 183,16 m2 đất cây lâu năm), còn lại 279,39 m2 đất ở, 281,94 m2 đất cây lâu năm.	Đủ điều kiện bồi thường theo điều 95 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang		11 (ĐC RG)		Đất ở VT4 - đường Võ Trường Toản	6,77		1.014.182		6.866.015						Gác 50% C4.05	C4.05 50%	m2	64,00		2.081.000	133.184.000	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (>100m2)	Hộ	1	17.000.000	17.000.000		Phần diện tích 47,75 m² (thuộc tờ 11, thửa 91) nằm ngoài GCN, có cùng nguồn gốc và thời điểm sử dụng theo QSDĐ số P687866 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp gày 23/02/2021	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: 326 Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang				Đất CLN VT1 - đường Võ Trường Toản	183,16		554.400		101.543.904						Nhà vệ sinh kiêm nhà tắm trong nhà, có hầm tự hoại; Tường xây gạch, xi xổm, không ốp gạch men.	WC.04		4,56		9.994.000	45.572.640	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp từ 30% đến 70% không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	3.348 000	3.348.000		Tỷ lệ mất đất nông nghiệp từ 30% đến 70%	Hỗ trợ ổn định đời sống theo khoản 1 điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024
		ĐT: 0913 769 675 -0919 055 060 (Ninh)				Đất CLN VT1 - đường Võ Trường Toản (ngoài gcn)	47,75		554.400		26.472.600						Nhà vệ sinh kiêm nhà tắm trong nhà, không có hầm tự hoại (6 cái WC)	WC.15	m2	69,60		2.761.000	192.165.600								Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
																	Ốp tường bằng gạch men	VKT.25	m2	92,80		412.000	38.233.600						Công văn số 2730/BHXH-QLT ngày 30/10/2026 xác nhận đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội là người tham gia theo hộ gia đình	Hỗ trợ tiền chuyển đổi nghề theo Điều 109 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024
																	Hàng rào xây trụ BTCT, tường xây 20cm bằng gạch, lưới B40, không có trát vữa xi măng.	HR.11	m2	39,70		825.000	32.752.500								
																	Mái che tôn	MCT.01	m2	43,50		242.000	10.527.000								
																	Sàn nền bê tông đá 4x6 mác 100	SN.01	m2	140,65		279.000	39.241.350								
9	**9**	**Nguyễn Xuân Hạ**					**58,44**	**17,82**			**32.399.136**	**0**		**3**		**2.555.000**							**109.019.760**					**10.000.000**	**153.973.896**		
		1967 - 038067022720		76 (GCN)	191	Đất CLN VT1 - đường Võ Trường Toản	14,70		554.400		8.149.680		Vú sữa C	1	758.000	758.000	Nhà C4, móng và cột xây gạch, nền gạch Ceramic hoặc gạch men, mái tôn sóng vuông hoặc giả ngói	C4.05 80%	m2	30,24		3.329.600	100.687.104	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000		Đất có giấy chứng nhận QSDĐ số T 935396 do UBND thị xã Rạch Giá cấp cho Nguyễn Xuân Hạ ngày 08/2/2002. Hiện trạng trên đất có căn nhà xây dựng năm 2024, ông Hạ quản lý sử dụng cho đến nay (diện tích đất trong GCN 327,90 m2, thu hồi đất 14,7 m2, còn lại 313,2 m2	Đủ điều kiện bồi thường theo điều 95, 96 và 98 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang		11 (ĐC RG)		Đất CLN VT1 - đường Võ Trường Toản (ngoài gcn)	43,74		554.400		24.249.456		Chôm chôm B	1	1.039.000	1.039.000	Ốp tường bằng gạch men	VKT.25 80%	m2	7,20		329 600	2.373.120						Phần diện tích 43,74 m² (thuộc tờ 11, thửa 191) nằm ngoài GCN, có cùng nguồn gốc và thời điểm sử dụng theo QSDĐ số T 935396 do UBND thị xã Rạch Giá cấp ngày 08/2/2002	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: 128 Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang											Mít C	1	758.000	758 000	Mái che tôn	MCT.01 80%	m2	7,98		193 600	1 544.928							Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0918 083 033															Tường xây 10cm, không trát vữa xi măng (bồn cá)	VKT.60 80%	m2	4,50		135.200	608.400							Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang
																	Nền gạch men (bồn cá)	VKT.37 80%	m2	6,75		384.000	2.592.000							

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khấu	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất						Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
				Số tờ	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
																	Sàn nền bê tông đá 4x6 mác 100.	SN.01 80%	m2	5,44		223.200	1.214.208								
10	**10**	**Vắng chủ 1**					**101,38**				**56.205.072**	**0**		**0**		**0**							**0**				**0**	**56.205.072**		
				11 (ĐC RG)	191	Đất CLN VT1 - đường Võ Trường Toản	101,38		554.400		56.205.072																		Đất trong đê quốc phòng, Sau khi tìm được chủ sẽ điều chỉnh theo quy định.	(Có thể hiện trên bản đồ địa chính 2019 loại đất CLN)
11	**11**	**Danh Hiếu**					**11,95**				**6.625.080**	**0**		**0**		**0**							**85.190.334**				**10.000.000**	**101.815.414**		
		Năm sinh: 1990; CCCD: 091090003420		11	91+12 39+12 40	Đất CLN VT1 - đường Võ Trường Toản	11,95		554.400		6.625.080						Nhà tạm, khung cột thép, nền gạch men, mái tôn sóng vuông	T.01 80%	m2	30,50		1.572.800	47.970.400	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ttheo ghi nhận thông tin người dân kê khai có nguồn gốc đất là của bà Thị Mích (Mít), chồng Danh Sâm khai phá quản lý sử dụng từ năm 1990. Đến năm 2012 bà Mích (Mít) bán đất cho bà Thanh bằng giấy tay mua bán (không có cung cấp giấy tay). Năm 2019 bà Thanh bán đất cho ông Hiếu bằng giấy tay mua bán (có cung cấp bảng giấy tay). Hiện trạng trên đất có căn nhà xây dựng năm 2023, ông Hiếu quản lý sử dụng cho đến nay.	Đủ điều kiện bồi thường theo điều 95 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Nhà vệ sinh kiêm nhà tắm trong nhà, có hầm tự hoại; Tường xây gạch, xi bệt, không ốp gạch men.	WC.02 80%	m2	3,00		8.294.400	24.883.200								Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: 313B Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Gác 50% T.01 x 80%	T.01 50% x 80%	m2	11,64		786.400	9.151.730								Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0856957217 - 0948404354 (chị Thảo)															Tường xây 10cm, trát 2 mặt (bếp)	VKT.62 80%	m2	1,44		240.000	345.600								
																	Ốp tường bằng gạch men (bếp)	VKT.25 80%	m2	4,30		329.600	1.417.280								
																	Đan BTCT (bếp)	VKT.10 80%	m3	0,11		7.538.400	829.224								
																	Mái che tôn	MCT.01 80%		3,06		193.600	592.900								
12	**12**	**Huỳnh Bé Mỹ**					**38,73**				**21.471.912**	**0**		**0**		**0**							**156.570.441**				**10.000.000**	**188.042.353**		
		Năm sinh: 1994; CCCD: 09119406987		11 (ĐC RG)	91+12 39+12 40	Đất CLN VT1 - đường Võ Trường Toản	38,73		554.400		21.471.912						Nhà tạm, khung cột thép, mái tôn, nền gạch men	T.01	m2	50,93		1.966.000	100.128.380	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo ghi nhận thông tin người dân kê khai có nguồn gốc đất là của bà Thị Mích, chồng Danh Sâm khai phá quản lý sử dụng từ năm 1990. Đến năm 2012 bà Mích tặng đất cho cháu là bà Huỳnh Bé Mỹ (có gấy tay cho tăng). Hiện trạng trên đất có căn nhà xây dựng năm 2012, bà Mỹ đang quản lý sử dụng ổn định không tranh chấp	Đủ điều kiện bồi thường theo 96 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Nhà vệ sinh kiêm nhà tắm trong nhà, có hầm tự hoại; Tường xây gạch, xi bệt, không ốp gạch men.	WC.02	m2	3,48		10.368.000	36.080.640	Tái định cư	nền	1					Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: 313 Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Ốp tường bằng gạch men (bếp)	VKT.25	m2	11,72		412.000	4.828.640							Đang sinh sống trực tiếp tại vị trí đất thu hồi, có đăng ký thường trú. Diện tích sử dụng còn lại 6,7 m2	Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0944.355096															Đan BTCT (sàn trên nhà vệ sinh)	VKT.10	m3	0,96		9.423.000	9.017.811								Đủ điều kiện bố trí tái định cư theo khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khảu	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất							Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
							Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
																	Nền gạch men (sàn trên nhà vệ sinh)	VKT.37	m2	9,57		480.000	4.593.600								
																	Gạch men ốp chân tường (sàn trên nhà vệ sinh)	VKT.26	m2	1,05		341.000	358.050								
																	Mái che tôn	MCT.01	m2	6,46		242.000	1.563.320								
13	**13**	**Thị Quá**					**38,82**				**21.521.808**	**0**		**0**		**0**							**94.119.100**					**10.000.000**	**125.640.908**		
		Năm sinh: 1965; CCCD: 091165005918		11	91+191+1241	Đất CLN VT1 - đường Võ Trường Toản	38,82		554.400		21.521.808						Nhà tạm, khung cột thép, mái tôn, nền gạch men	T.01	m2	36,68		1.966.000	72.112.880	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai có nguồn gốc đất là của bà Thị Mích (Mít), chồng Danh Sâm khai phá quản lý sử dụng từ năm 1990. Đến năm 1998 bà Mích (Mít) tặng đất và nhà cho cháu là bà Thị Duyên (không có cung cấp giấy tăng). Đến năm 2018 bà Duyên bán đất và nhà cho bà Thị Quá (có cung cấp giấy tay mua bán).	Đủ điều kiện bồi thường theo điều 95 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Nhà vệ sinh kiêm nhà tắm trong nhà, có hầm tự hoại; Tường xây gạch, xi xốm, không ốp gạch men.	WC.04	m2	1,50		9.994.000	14.991.000								Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: 223/22 Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Nhà vệ sinh, nhà tắm trong nhà, khôngcó hầm tự hoại	WC.15	m2	1,50		2.761.000	4.141.500							Hiện trạng trên đất có căn nhà xây dựng năm 2010, bà Quá quản lý sử dụng cho đến nay	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0345281187 (Ngọc Bích)															Tường xây 10cm, trát 2 mặt (bếp)	VKT.62	m2	3,16		300.000	948.000								
																	Mái che tôn	MCT.01	m2	6,40		242.000	1.548.800								
																	Đan BTCT (bếp)	VKT.10	m3	0,04		9.423.000	376.920								
14	**14**	**Trần Quốc Hòa**					**24,80**				**13.749.120**	**0**		**0**		**0**							**160.310.320**					**10.000.000**	**184.059.440**		
		Năm sinh: 1990; CCCD: 091090007933		11	91+92+1241	Đất CLN VT1 - đường Võ Trường Toản	24,80		554.400		13.749.120						Nhà C4, móng và cột xây gạch, nền gạch men, mái tôn sóng vuông	C4.05	m2	23,30		4.162.000	96.974.600	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai có nguồn gốc đất trước đây do bà Phạm Ngọc Hiền quản lý sử dụng trước năm 2001. Đến năm 2016 bà Hiền bán cho ông Trần Quốc Hòa (có cung cấp giấy tay mua bán).	Đủ điều kiện bồi thường theo điều 95 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Nhà vệ sinh kiêm nhà tắm trong nhà, có hầm tự hoại; Tường xây gạch, xi xốm, không ốp gạch men.	WC.04	m2	1,50		9.994.000	14.991.000								Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: Tổ 5 ấp kênh 4B, xã Tân Hội, tỉnh An Giang															Gác gỗ >3m (50% C4.05 50%	C4.05	m2	10,40		2.081.000	21.642.400							Hiện trạng trên đất có căn nhà xây dựng năm 2012, ông Hòa quản lý sử dụng cho đến nay	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0327 234974															Làm trần tấm nhựa các loại	VKT.46	m2	24,80		491.000	12.176.800								
																	Ốp tường bằng gạch men	VKT.25	m2	26,26		412.000	10.819.120								
																	Tường xây 10cm, trát 2 mặt (bếp)	VKT.62	m2	0,80		300.000	240.000								
																	Ốp tường bằng gạch men (bếp)	VKT.25	m2	1,60		412.000	659.200								
																	Mái che tôn	MCT.01	m2	11,60		242.000	2.807.200								
15	**15**	**Châu Thành Được**					**42,38**	**9,11**			**19.732.179**	**0**		**15**		**1.932.000**							**74.809.680**			**1**		**1.674.000**	**98.147.859**		

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khẩu	Đất đai							Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất							Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
				Số tờ	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
		Năm sinh: 1986; CCCD: 091086006457		11 (BĐ RG)	92+1241	Đất trồng cây hàng năm VT1 - đường Võ Trường Toản (ngoài gcn)	42,38		465.601		19.732.179		Đu đủ A	7	248.000	1.736.000	Hàng rào móng, đà kiềng, cột BTCT, tường xây 10cm, tô trát 2 mặt	HR.02 80%	m2	70,95		1.054.400	74.809.680	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp dưới 30% không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	1.674.000	1.674.000		Thửa đất 92, tờ 11: Đất có giấy chứng nhận QSDĐ số AA 05670622 do UBND phường Rạch Giá cấp cho bà Nguyễn Thị Cầu ngày 08/01/2026. Ngày 02/6/2026 bà Cầu cho tặng lại con là ông Châu Thành Được. Hiện trạng trên đất có căn nhà xây dựng năm 2024, ông Được quản lý sử dụng cho đến nay (diện tích đất trong GCN 422,9 m2, thu hồi đất 42,38 m2 (ngoài GCN)).	Đủ điều kiện bồi thường theo điều 95, 96 và 98 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang		76 (GCN)									Đu đủ C	4	45.000	180.000													Phần diện tích 42,38 m² (thuộc tờ 11, thửa 92 + 1241) nằm ngoài GCN, có cùng nguồn gốc và thời điểm sử dụng theo GCN số AA 05670622 do UBND phường Rạch Giá cấp ngày 08/01/20264	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.
		ĐC thường trú: 03 Lê Lai, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang											Mía C	4	4.000	16.000													Tỷ lệ mất đất dưới 30%	Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0918 083 033																												
16	**16**	**Trần Mạnh Thu**					**49,24**				**0**	**0**		**0**		**0**						**304.872.480**			**1**		**13.000.000**	**317.872.480**		
		Năm sinh: 1958; CCCD: 091058007850		11 (BĐ RG	1234	Đất rừng phòng hộ	49,24		0		0						Nhà C4, móng và cột xây gạch, nền gạch Ceramic hoặc gạch men, mái tôn sóng vuông hoặc giả ngói	C4.05	m2	54,00		4.162.000	224.748.000	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (từ 50m2 đến 100m2)	Hộ	1	13.000.000	13.000.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai có nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do ông Danh Sâm và bà Mích (Mít) tự bao chiếm, quản lý sử dụng trước năm 1990. Năm 2001 bán lại cho bà Thị Huệ, ông ngô Sử. Năm 2003 bà Hệ, ông Ngô Sử bán lại cho ông Cao Trung Đoàn và bà Đàm Thị Giang. Năm 2022 ông Đoàn và bà Giang bán lại cho ông Trần Mạnh Thu (có cung cấp giấy tay mua bán).	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Nhà vệ sinh kiêm nhà tắm trong nhà, có hầm tự hoại; Tường xây gạch, xi xốm, không ốp gạch men.	WC.04	m2	2,00		9.994.000	19.988.000							Hiện trạng trên đất có căn nhà xây dựng năm 2011, ông Thu đang quản lý sử dụng cho đến nay	Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: Tổ 5 ấp kênh 2A, xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang															Ốp tường bằng gạch men	VKT.25	m2	5,46		412.000	2.249.520								
		ĐT: 0367 161789 - 0986 447995 (con - Yến)															Trần nhà tấm primma	VKT.49	m2	41,80		409.000	17.096.200							Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	
																	Tường xây 10cm, trát 2 mặt (bếp)	VKT.62	m2	0,48		300.000	144.000								
																	Ốp tường bằng gạch men	VKT.25	m2	45,48		412.000	18.737.760								
																	Ốp tường bằng gạch men (bếp)	VKT.25	m2	7,95		412.000	3.275.400								
																	Nhà tiền chế có vách	NTC.01	m2	10,08		1.298.000	13.083.840								
																	Nền gạch men (nhà tiền chế)	VKT.37	m2	6,48		480.000	3.110.400								
																	Mái che tôn	MCT.01	m2	10,08		242.000	2.439.360								
17	**17**	**Trần Ngọc Thi**					**2,65**				**0**	**0**		**0**		**0**						**122.940.546**					**10.000.000**	**132.940.546**		

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khấu	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất							Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
							Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
		Năm sinh: 1978; CCCD: 091078009710		11	1234 (BĐ RG)	Đất rừng phòng hộ	2,65		0		0						Nhà C4, móng và cột xây gạch, mái tôn sóng vuông, màu, giả ngói, nền gạch men	C4.05	m2	19,11		4.162.000	79.535.820	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do bà Mích (Mít), ông Danh Sâm tự bao chiếm, quản lý sử dụng trước năm 1990. Năm 2010 ông Sâm bán lại cho ông Nguyễn Phú Đức. Năm 2016 ông Đức bán lại cho ông Cao Trung Đoàn. Năm 2021 ông Đoàn bán lại cho ông Trần Ngọc Thi (có cung cấp giấy tay mua bán).	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Nhà vệ sinh kiêm nhà tắm trong nhà, có hầm tự hoại; Tường xây gạch, xi bệt, ốp gạch men.	WC.01	m2	2,55		10.958 000	27.942.900							Hiện trạng trên đất có căn nhà xây dựng năm 2011, ông Thi đang quản lý sử dụng cho đến nay	Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: 37/2 đường Nguyễn Trãi, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Tường xây 10cm, trát 2 mặt	VKT.62	m2	0,80		300.000	240.000							Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	
		ĐT: 0986.447995 (Yến - vợ)															Gạch men ốp tường	VKT.25	m2	13,44		412.000	5.537.280								
		Trần Thị Ngọc Yến (vợ)															Làm trần tấm nhựa các loại.	VKT.46	m2	19,11		491.000	9.383.010								
																	Đan BTCT (bếp)	VKT.10	m3	0,03		9.423.000	301.536								
18	**18**	**Nguyễn Văn E**					**86,02**				**0**	**0**		**0**		**0**							**0**				**1.674.000**	**1.674.000**		
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang		11	1242 (BĐ RG)	Đất rừng phòng hộ	86,02																	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp (không đủ điều kiện BT về đất) không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	1.674.000	1.674.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do bà Mích (Mít), ông Danh Sâm tự bao chiếm, quản lý sử dụng trước năm 1990. Năm 2003 bà Mích (Mít) bán lại cho ông Nguyễn Văn E (có cung cấp giấy tay mua bán). Hiện trạng trên đất không có nhà, ông E quản lý sử dụng cho đến nay.	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.
		ĐC thường trú: Ấp Đông An 2, phường Đại Thành, thành phố Cần Thơ																											Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	
19	**19**	**Danh Bé**					**118.86**				**0**	**0**		**0**		**0**						**125.131.900**					**11.674.000**	**136.805.900**		
		Năm sinh: 1978; CCCD: 091078010942		11	1242 (BĐ RG)	Đất rừng phòng hộ	118,86		0		0						Nhà tiền chế không vách	NTC.02	m2	35,64		903.000	32.182.920	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp (không đủ điều kiện BT về đất) không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	1.674.000	1.674.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do ông Danh Sâm vợ bà Thị Mích tự bao chiếm, quản lý sử dụng trước năm 1990. Năm 2005 bà Mích bán lại cho ông Danh Bé (có cung cấp giấy tay mua bán). Hiện trạng trên đất có nhà cất năm 2003, ông Bé quản lý sử dụng cho đến nay	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khẩu	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất						Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
				Số tờ	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang														Sàn nền bê tông đá 4x6 mác 100.	SN.01	m2	20,67		279.000	5.766.930							Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: 223/22 Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang														Tường xây 10cm, trát 1 mặt (tháp)	VKT.61	m2	3,36		245.000	823.200	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000			Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0384 612 174														Nhà tạm, khung cột thép, mái tôn, nền gạch men	T.01	m2	4,50		1.966.000	8.847.000								
																Nhà tiền chế có vách	NTC.01	m2	41,65		1.298.000	54.061.700								
																Tường xây 10cm, trát 2 mặt (tháp)	VKT.62	m2	10,00		300.000	3.000.000								
																Làm trần tấm nhựa các loại	VKT.46	m2	41,65		491.000	20.450.150								
20	**20**	**Hoàng Thị Tú**					**156,78**				**0**	**0**		**3**		**3.476.000**							**0**				**3.348.000**	**6.824.000**			
		Năm sinh: 1970; CCCD: 091170000536		11	1243 (BD RG)	Đất rừng phòng hộ	156,78		0		0		Dừa A	2	1.708.000	3.416.000							Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp (không đủ điều kiện BT về đất) phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	3.348.000	3.348.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do ông Danh Sâm vợ bà Thị Mít tự bao chiếm, quản lý sử dụng trước năm 1990. Năm 2003 bà Mít bán lại cho bà Hoàng Thị Tú (giấy tờ mua bán tay). Hiện trạng trên đất không có nhà, bà Tú quản lý sử dụng cho đến nay	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang											Bần G	1	60.000	60.000												Cơ quan Nhà nước xác nhận diện tích đất này đã được UBND tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , kèm theo Giấy chứng nhận số K 469529 cấp ngày 25/12/1997.	Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: Tổ 5 ấp Củ Tron, Đặc khu Kiên hải, tỉnh An Giang																										Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	
		ĐT:																											
21	**21**	**Vắng chủ 2**					**16,86**				**0**	**0**		**0**		**0**							**0**				**0**	**0**			
				11	1243	Đất rừng phòng hộ	16,86		0		0																		Đất trong đê quốc phòng, Sau khi tìm được chủ sẽ điều chỉnh theo quy định.	(Có thể hiện trên bản đồ địa chính 2019 loại đất CLN)
22	**22**	**Vắng chủ 3**					**96,10**				**0**	**0**		**0**		**0**							**0**				**0**	**0**			
				11	1244	Đất rừng phòng hộ	96,10		0		0																		Đất trong đê quốc phòng, Sau khi tìm được chủ sẽ điều chỉnh theo quy định.	(Có thể hiện trên bản đồ địa chính 2019 loại đất CLN)
23	**23**	**Ngô Thiệu Dương**					**260,91**				**0**	**0**		**144**		**28.360.000**							**151.299.872**				**11.674.000**	**191.333.872**			

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khẩu	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất							Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
							Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
		Năm sinh: 1997;CCCD: 091097008748		11	94	Đất rừng phòng hộ	260,91		0		0		Tràm nước Đ	40	60.000	2.400.000	Nhà C4, móng và cột xây gạch, nền gạch Ceramic hoặc gạch men, mái tôn sóng vuông hoặc giả ngói	C4.05 80%	m2	37,04		3.329.600	123.328.384	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp (không đủ điều kiện BT về đất) không phải di chuyển chỗ ở	Khẩu	1	1.674.000	1.674.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do ông Lê Minh Long tự bao chiếm, quản lý sử dụng, có kê khai đăng ký sổ mục kê năm 1995. Năm 2000 ông Long bán lại cho bà Nguyễn Thị Bích Hằng. Năm 2018 bà Hằng bán lại cho bà Ngô Thị Hiệp. Năm 2020 bà Hiệp bán lại cho ông Ngô Thiện Dương (có cung cấp giấy tay mua bán).	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang											Tràm nước E	25	30.000	750.000	Tường xây gạch, xi bệt, vòi tắm gương sen, lavabo, không ốp gạch men.	WC.02 80%	m2	1,50		8.294.400	12.441.600							Hiện trạng trên đất có nhà cất năm 2021, ông Dương quản lý sử dụng cho đến nay	Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: Hẻm 1 Hai Bà Trưng, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang											Chuối A	20	132.000	2.640.000	Mái che tôn	MCT.01 80%	m2	10,66		193.600	2.063.776							Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày
		ĐT: 0844.556567 - 0947.066557											Đinh Lăng E	5	72.000	360.000	Tường xây 10cm, trát 2 mặt	VKT.62 80%	m2	1,80		240.000	432.000	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000			Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
													Mai vàng E	1	72.000	72.000	Hàng rào trụ gỗ, dây chỉ gai	HR.23 80%	m2	83,40		60.800	5.070.720								
													Dừa A	4	1.708.000	6.832.000	Tường xây 20cm, không trát (bỏ nền ranh đất)	VKT.60.1 80%	m2	16,68		332.800	5.551.104								
													Dừa C	8	494.000	3.952.000	Đan BTCT (bếp)	VKT.10 80%	m3	0,32		7.538.400	2.412.288								
													Dừa D	20	211.000	4.220.000															
													Xoài C	4	1.035.000	4.140.000															
													Xoài D	3	400.000	1.200.000															
													Măng cầu B	1	554.000	554.000															
													Bình bát D	8	80.000	640.000															
													Bạch đàn Đ	5	120.000	600.000															
24	**24**	**Vũ Thành An**					**8,79**				**0**	**0**		**14**		**2.526.000**							**0**					**0**	**2.526.000**		
		Năm sinh: 1977;CCCD: 091077017897		11	94	Đất rừng phòng hộ	8,79						Chuối A	9	132.000	1.188.000							Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp (không đủ điều kiện BT về đất) không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	1.674.000	1.674.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai. Nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do ông Lê Minh Long tự bao chiếm, quản lý sử dụng, có kê khai đăng ký sổ mục kê năm 1995. Năm 2000 ông Long bán lại cho bà Nguyễn Thị Bích Hằng. Năm 2018 bà Hằng bán lại cho bà Ngô Thị Hiệp. Năm 2020 bà Hiệp bán lại cho ông Ngô Thiện Dương. Năm 2021 ông Dương bán lại cho ông Vũ Thành An (có cung cấp giấy tay mua bán).	Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang											Dừa C	1	494.000	494.000													Hiện trạng trên đất không có nhà, ông An quản lý sử dụng cho đến nay	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.
		ĐC thường trú: 182 ấp Tân Long, xã Tân Hội, tỉnh An Giang											Dừa D	4	211.000	844.000														
		ĐT:																												

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khảu	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất						Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
							Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
																													Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	
25	**25**	**Trần Thị Ngọc Yến**					**363,15**				**0**	**0**		**82**		**44.719.000**						**44.691.200**					**11.674.000**	**101.084.200**		
		Năm sinh: 1983; CCCD: 091183007175		11	94	Đất rừng phòng hộ	363,15		0		0		Bạch đàn Đ	5	120.000	600.000	Nhà tiền chế có vách	NTC.01 80%	m2	8,00		1.038.400	8.307.200	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp (không đủ điều kiện BT về đất) không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	1.674.000	1.674.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai, nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do ông Lê Minh Long tự bao chiếm, quản lý sử dụng, có kê khai đăng ký sổ mục kê năm 1995. Năm 2000 ông Long bán lại cho bà Nguyễn Thị Bích Hằng. Năm 2018 bà Hằng bán lại cho bà Ngô Thị Hiệp. Năm 2020 bà Hiệp bán lại cho ông Trần Thị Ngọc Yến (có cung cấp giấy tay mua bán).	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang											Tràm nước Đ	5	60.000	300.000	Nhà tiền chế có vách	NTC.01 80%	m2	24,00		1.038.400	24.921.600	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000		Hiện trạng trên đất không có nhà tiền chế cất năm 2020, bà Yến quản lý sử dụng cho đến nay	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: 37/2 đường Nguyễn Trãi, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang											Xoài các loại B	6	3.064.000	18.384.000	Hàng rào trụ gỗ, dây chỉ gai	HR.23 80%	m2	90,00		60.800	5.472.000							Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0986.447995											Mãng cầu các loại B	1	554.000	554.000	Tường xây 20cm, không trát (bó nền ranh đất)	VKT.60.1 80%	m2	18,00		332.800	5.990.400								Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		Trần Ngọc Thi (chồng)											Vú Sữa D	1	288.000	288.000														
													Sabô D	1	150.000	150.000														
													Chuối A	2	132.000	264.000														
													Mai vàng Đ	4	150.000	600.000														
													Đinh lăng E	24	72.000	1.728.000														
													Dừa A	9	1.708.000	15.372.000														
													Dừa C	5	494.000	2.470.000														
													Dừa D	19	211.000	4.009.000														
26	**26**	**Danh Phát**					**112,64**				**0**	**0**		**7**		**7.854.000**						**105.263.927**					**11.674.000**	**124.791.927**		

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khấu	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất							Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
							Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
		Năm sinh: 1954; CCCD: 091054003363		11 (BĐ RG)	94	Đất rừng phòng hộ	112,64		0		0		Dừa B	7	1.122.000	7.854 000	Nhà C4, móng và cột xây gạch, nền gạch Ceramic hoặc gạch men, mái tôn sóng vuông hoặc giả ngói	C4.05 80%	m2	23,20		3.329.600	77.246.720	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai, nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do ông Lê Minh Long tự bao chiếm, quản lý sử dụng. Sau đó ông Long bán lại cho ông Chung Toàn. Năm 2017 ông Toàn bán lại cho ông Huỳnh Vũ Long. Cuối năm 2017 ông Long bán lại cho ông Quách MInh Toan. Năm 2019 ông Toan bán lại cho ông Danh Phát (có cung cấp giấy tay mua bán).	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Nhà vệ sinh kiêm nhà tắm trong nhà, có hầm tự hoại; Tường xây gạch, xi bệt, ốp gạch men.	WC.01 80%	m2	1,65		8.766.400	14.464.560	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp (không đủ điều kiện BT về đất) không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	1.674.000	1.674.000		Hiện trạng trên đất có nhà cất năm 2022, ông Phát quản lý sử dụng cho đến nay	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.
		ĐC thường trú: Ấp An Khương, xã Châu Thành, tỉnh An Giang															Đan BTCT (bếp)	VKT.10 80%	m3	0,04		7.538.400	263.844							Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0914.708504															Trần nhà tấm primma	VKT.49 80%	m2	22,77		327.200	7.450.344								Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang
																	Mái che tôn	MCT.01 80%	m2	3,50		193.600	677.600								
																	Nền gạch men	VKT.37 80%	m2	3,50		384.000	1.344.000								
																	Mái che tôn (chuồn gà)	MCT.01 80%	m2	8,97		193.600	1.736.592								
																	Sàn nền bê tông đá 4x6 mác 100.	SN.01 80%	m2	6,10		223.200	1.361.520								
																	Tường xây bằng gạch ống, trát 2 mặt (bàn thờ ông thiên)	VKT.62 80%	m2	0,22		240.000	52.800								
																	Đan BTCT (bàn thờ ông thiên)	VKT.10 80%	m3	0,01		7.538.400	60.307								
																	Gạch men ốp tường (bàn thờ ông Thiên)	VKT.25 80%	m2	1,84		329.600	605.640								
27	**27**	**Danh Thành Quang**					**71,17**				**0**	**0**		**16**		**10.416.000**							**107.074.295**				**11.674.000**	**129.164.295**			
		Năm sinh: 1995; CCCD: 091095012168		11	94	Đất rừng phòng hộ	71,17		0		0		Dừa B	4	1.122.000	4.488.000	Nhà C4, móng và cột xây gạch, nền gạch Ceramic hoặc gạch men, mái tôn sóng vuông hoặc giả ngói	C4.05 80%	m2	23,20		3.329.600	77.246.720	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai, nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do ông Lê Minh Long tự bao chiếm, quản lý sử dụng. Sau đó ông Long bán lại cho ông Chung Toàn. Năm 2017 ông Toàn bán lại cho ông Huỳnh Vũ Long. Cuối năm 2017 ông Long bán lại cho ông Quách MInh Toan. Năm 2019 ông Toan bán lại cho ông Danh Thành Quang (có cung cấp giấy tay mua bán).	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khẩu	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất						Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
							Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang											Dừa C	12	494.000	5.928.000	Nhà vệ sinh kiêm nhà tắm trong nhà, có hầm tự hoại; Tường xây gạch, xi bệt, ốp gạch men.	WC.01 80%	m2	1,65		8.766.400	14.464.560	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp (không đủ điều kiện BT về đất) không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	1.674.000	1.674.000		Hiện trạng trên đất có nhà cất năm 2022, ông Quang quản lý sử dụng cho đến nay	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.
		ĐC thường trú: Ấp An Khương, xã Châu Thành, tỉnh An Giang															Đan BTCT (bếp)	VKT.10 80%	m3	0,04		7.538.400	263.844							Cơ quan Nhà nước xác nhận diện tích đất này đã được UBND tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , kèm theo Giấy chứng nhận số K 469529 cấp ngày 25/12/1997.	Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0942.425484															Trần nhà tấm primma	VKT.49 80%	m2	22,77		327.200	7.450.344							Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang
																	Mái che tôn	MCT.01 80%	m2	3,50		193.600	677.600								
																	Nền gạch men	VKT.37 80%	m2	3,50		384.000	1.344.000								
																	Sàn nền bê tông đá 4x6 mác 100.	SN.01 80%	m2	7,60		223.200	1.696.320								
																	Tường xây bằng gạch ống, trát 2 mặt (bàn thờ ông thiên)	VKT.62 80%	m2	0,22		240.000	52.800								
																	Đan BTCT (bàn thờ ông thiên)	VKT.10 80%	m3	0,01		7.538.400	60.307								
																	Gạch men ốp tường (bàn thờ ông Thiên)	VKT.25 80%	m2	1,84		329.600	605.640								
																	Hàng rào lưới B40, trụ đá	HR.20 80%	m2	16,80		191.200	3.212.160								
28	**28**	**Quách Minh Toan**					**211,10**			**0**	**0**			**47**		**18.973.000**							**114.080.447**					**11.674.000**	**144.727.447**		
		Năm sinh: 1980; CCCD: 091080015292		11 (BĐ RG)	94	Đất rừng phòng hộ	211,10		0		0		Dừa C	32	494.000	15.808.000	Nhà C4, móng và cột xây gạch, nền gạch men, mái tôn sóng vuông	C4.05 80%	m2	23,20		3.329.600	77.246.720	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai, nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do ông Lê Minh Long tự bao chiếm, quản lý sử dụng. Sau đó ông Long bán lại cho ông Chung Toản. Tháng 4, năm 2017 ông Toản bán lại cho ông Huỳnh Vũ Long. Tháng 10, năm 2017 ông Long bán lại cho ông Quách MInh Toan (có cung cấp giấy tay mua bán). Hiện trạng trên đất có nhà cất năm 2022, ông Toan quản lý sử dụng cho đến nay	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang											Dừa D	15	211.000	3.165.000	Nhà vệ sinh kiêm nhà tắm trong nhà, có hầm tự hoại; Tường xây gạch, xi bệt, ốp gạch men.	WC.01 80%	m2	1,65		8.766.400	14.464.560	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp (không đủ điều kiện BT về đất) không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	1.674.000	1.674.000			Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.
		ĐC thường trú: 72 Nguyễn Hùng Sơn phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Đan BTCT (bếp)	VKT.10 80%	m3	0,04		7.538.400	263.844							Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0916.071313															Trần nhà tấm primma	VKT.49 80%	m2	22,77		327.200	7.450.344								Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khấu	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất						Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
							Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
																	Mái che tôn	MCT.01 80%	m2	3,50		193.600	677.600								
																	Nền gạch men	VKT.37 80%	m2	3,50		384.000	1.344.000								
																	Mái che tôn (chuồn gà)	MCT.01 80%	m2	8,97		193.600	1.736.592								
																	Tường xây bằng gạch ống, trát 2 mặt (bàn thờ ông thiên)	VKT.62 80%	m2	0,22		240.000	52.800								
																	Đan BTCT (bàn thờ ông thiên)	VKT.10 80%	m3	0,01		7.538.400	60.307								
																	Hàng rào lưới B40, trụ đá	HR.20 80%	m2	56,40		191.200	10.783.680								
29	**29**	**Nguyễn Châu Tha**					**359,51**				**0**	**0**		**0**		**0**							**340.051.379**					**11.674.000**	**351.725.379**		
		Năm sinh: 1966; CCCD: 092066001323		11	94	Đất rừng phòng hộ	359,51		0		0						Nhà tiền chế có vách	NTC.01 80%	m2	7,36		1.038.400	7.642.624	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai, nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng.	Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Nhà vệ sinh kiêm nhà tắm trong nhà, có hầm tự hoại; Tường xây gạch, xi bệt, ốp gạch men.	WC.01 80%	m2	4,14		8.766.400	36.292.896	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp (không đủ điều kiện BT về đất) không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	1.674.000	1.674.000		Đất do ông Lê Minh Long tự bao chiếm, quản lý sử dụng, có kê khai đăng ký sổ mục kê năm 1995. Sau đó ông Long bán lại cho bà Trương Ngọc Thuý. Năm 2018 bà Thuý bán lại cho ông Nguyễn Thanh Liêm. Năm 2021 ông Liêm bán lại cho ông Nguyễn Châu Tha (mua bán giấy tay). Hiện trạng trên đất có nhà cất năm 2019, ông Tha quản lý sử dụng cho đến nay	Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: Khu vực Thới Hoà 1, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Nhà C4, móng và cột xây gạch, nền gạch men, mái tôn sóng vuông	C4.05 80%	m2	75,75		3.329.600	252.217.200							Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.
		ĐT: 0916.071313															Làm trần tấm nhựa các loại	VKT.46 80%	m2	95,28		392.800	37.425.984								Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
																	Nền gạch men (nhà tiền chế)	VKT.37 80%	m2	7,36		384.000	2.826.240								
																	Gạch men ốp tường (bếp)	VKT.25 80%	m2	4,80		329.600	1.582.080								
																	Đan BTCT (bếp)	VKT.10 80%	m3	0,23		7.538.400	1.718.755								
																	Tường xây 10cm, trát 2 mặt (bếp)	VKT.62 80%	m2	1,44		240.000	345.600								
30	**30**	**Nguyễn Bá Khánh Trường**					**2,46**				**0**	**0**		**0**		**0**							**7.310.336**					**10.000.000**	**17.310.336**		
		Năm sinh: 1979; CCCD: 091079003679		11 (BĐ RG)	1246	Đất rừng phòng hộ	2,46		0		0						Nhà tiền chế có vách	NTC.01 80%	m2	7,04		1.038.400	7.310.336	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai, nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do bà Nguyễn Thị Duy Linh tự bao chiếm, quản lý sử dụng. Năm 2014 bà Linh bán lại cho ông Nguyễn Bá Khánh Trường (mua bán giấy tay).	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang																											Hiện trạng trên đất có nhà cất năm 2019, ông Trường quản lý sử dụng cho đến nay	Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khẩu	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất						Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
				Số tờ	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
		ĐC thường trú: 775 Nguyễn Phi, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang Khanh																										Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	
		ĐT: 0945.602060																											
31	**31**	**Nguyễn Bá Khánh Hưng**					**50,98**				**0**	**0**		**0**		**0**							**126.895.624**					**11.674.000**	**138.569.624**		
		Năm sinh: 1985; CCCD: 091005016642		11 (BĐ RG)	1245 +1246	Đất rừng phòng hộ	50,98		0		0						Nhà tạm, khung cột thép, mái tôn, nền láng xi măng	T.03 80%	m2	37,00		1.476.000	54.612.000	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai, nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do bà Nguyễn Thị Duy Linh tự bao chiếm, quản lý sử dụng. Năm 2014 bà Linh bán lại cho ông Nguyễn Bá Khánh Trường. Năm 2015 ông Trường bán lại phần đất phía sau cho em ruột ông Nguyễn Bá Khánh Hưng (có cung cấp giấy tay mua ban). Hiện trạng trên đất có nhà cất năm 2022, ông Hưng quản	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Gạch men ốp tường (bếp)	VKT.25 80%	m2	7,14		329.600	2.353.344	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp (không đủ điều kiện BT về đất) không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	1.674.000	1.674.000		Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.
		ĐC thường trú: hẻm 313/11 Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang Khanh															Nền gạch men (sân rửa)	VKT.37 80%	m2	0,64		384.000	245.760								Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0822596459															Gác gỗ >3m (50% T.03)	T.03 80%	m2	17,12		1.476.000	25.269.120								
																	Nhà vệ sinh kiêm nhà tắm trong nhà, có hầm tự hoại; Tường xây gạch, xi bệt, ốp gạch men.	WC.01 80%	m2	4,00		8.766.400	35.065.600								
																	Sàn nền bê tông đá 4x6 mác 100.	SN.01 80%	m2	24,00		223.200	5.356.800								
																	Mái che tôn	MCT.01	m2	16,50		242.000	3.993.000								
32	**32**	**Trần Văn Khanh**					**355,13**				**0**	**0**		**7**		**1.477.000**							**68.339.840**					**11.674.000**	**81.490.840**		
		Năm sinh: 1986; CCCD: 091086019487		11 (BĐ RG)	1245	Đất rừng phòng hộ	355,13		0		0		Dừa D	7	211.000	1.477.000	Nhà tiền chế có vách	NTC.01 80%	m2	38,40		1.038.400	39.874.560	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai, nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do bà Ghết, ông Hai Cận tự bao chiếm, quản lý sử dụng trước năm 1995. Năm 2016 bà Ghết, ông Hai Cận bán lại cho bà Bùi Thị Thu Thảo. Năm 2017 bà Thảo bán lại cho ông Trần Văn Sơn. Năm 2020 ông Sơn bán lại cho ông Trần Văn Khanh (có cung cấp giấy tay mua bán). Hiện trạng trên đất có nhà cất năm 2023, ông Khanh quản lý sử dụng cho đến nay	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Trần nhà tấm primma	VKT.49 80%	m2	38,40		327.200	12.564.480	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp (không đủ điều kiện BT về đất) không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	1.674.000	1.674.000			Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khẩu	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất							Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
							Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
		ĐC thường trú: 133 Điện Biên Phủ, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Nền gạch men (nhà tiền chế)	VKT.37 80%	m2	40,40		384.000	15.513.600							Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0939 459572															Mái che tôn	MCT.01 80%	m2	2,00		193.600	387.200								Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang
33	**33**	**Phạm Thanh Hồng**					**662,01**				**0**	**0**		**175**		**77.586.000**						**79.031.040**					**14.674.000**	**171.291.040**			
		Năm sinh: 1983; CCCD: 092083000011		11 (BĐ RG)	1245	Đất rừng phòng hộ	662,01		0		0		Chuối A	20	132.000	2.640.000	Nhà tiền chế có vách	NTC.01 80%	m2	73,20		1.038.400	76.010 880	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (từ 50m2 đến 100m2)	Hộ	1	13.000.000	13.000.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai, nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do ông Nguyễn Hoàng Be tự bao chiếm, quản lý sử dụng trước năm 1992. Năm 1992 ông Be bán lại cho ông Lê Nguyên. Năm 2002 ông Nguyên bán lại cho ông Huỳnh Văn Sâm (vợ bà Bùi Thị Thu Thảo). Năm 2010 bà Thảo bán lại cho ông Văn Sài Lến.	Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang											Bàng B	3	2.400.000	7.200.000	Mái che tôn	MCT.01 80%	m2	15,60		193.600	3.020.160	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp (không đủ điều kiện BT về đất) không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	1.674.000	1.674.000		Năm 2021 ông Lến bán lại cho Nguyễn Thanh Hồng (có cung cấp giấy tay mua bán). Hiện trạng trên đất có nhà cất năm 2023, ông Hồng quản lý sử dụng cho đến nay.	Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: 580 KV Tân Quới, phường Thới Long, TP Cần Thơ											Bàng D	5	600.000	3.000.000														Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0989.223116											Bàng C	2	1 200.000	2.400.000															Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.
													Tràm úc A	46	60.000	2.760.000															
													Tràm úc B	25	40.000	1.000.000															
													Bạch Đàn A	2	4.800.000	9.600.000															
													Đình lăng Đ	1	150.000	150.000															
													Dừa B	21	1.122.000	23.562.000															
													Dừa A	7	1.708.000	11.956.000															
													Dừa C	15	494.000	7.410.000															
													Dừa D	28	211.000	5.908.000															
34	**34**	**Nguyễn Kim Yến**					**236,11**				**0**	**0**		**19**		**4.009.000**						**25.321.296**					**11.674.000**	**41.004.296**			

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khẩu	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất						Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
				Số tờ	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
		Năm sinh: 1986; CCCD: 091186014958		11 (BĐ RG)	1248	Đất rừng phòng hộ	236,11		0		0		Dừa D	19	211.000	4.009.000	Nhà tiền chế có vách	NTC.01 80%	m2	21,84		1.038.400	22.678.656	Di chuyển trong phạm vi cấp xã (<50m2)	Hộ	1	10.000.000	10.000.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai, nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do ông Nguyễn Hoàng Be tự bao chiếm, quản lý sử dụng trước năm 1992. Năm 1992 ông Be bán lại cho ông Lê Nguyên. Năm 2002 ông Nguyên bán lại cho ông Huỳnh Văn Sâm (vợ bà Bùi Thị Thu Thảo). Năm 2026 bà Thảo bán lại cho ông Lâm Thanh Tuyền. Năm 2014 ông Tuyền bán lại cho Trần Văn Trường, cùng năm 2014 ông Trường bán lại cho ông Điền. Năm 2015 ông Điền bán lại cho ông Nguyễn Văn Đô.	Đủ điều kiện bồi thường VKT theo Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang															Mái che tôn	MCT.01 80%	m2	13,65		193.600	2.642.640	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp (không đủ điều kiện BT về đất) không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	1.674.000	1.674.000		Năm 2024 ông Đô bán lại cho bà Nguyễn Kim Yến (em ruột - có cung cấp giấy tay mua bán) Hiện trạng trên đất có nhà cất năm 2024, bà Yến quản lý sử dụng cho đến nay.	Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thường trú: 313/8 Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang																										Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	Hỗ trợ di chuyển tài sản theo Điều 8 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang
		ĐT: 0834.977911																											Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.
35	**35**	**Nguyễn Thị Ngọc Bích**					**244,38**				**0**	**0**		**78**		**26.540.000**						**0**					**1.674.000**	**28.214.000**			
		Năm sinh: 2000; CCCD: 091300009418		11 (BĐ RG)	1257+ 1259	Đất rừng phòng hộ	244,38		0		0		Dừa A	12	1.708.000	20.496.000								Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp (không đủ điều kiện BT về đất) không phải di chuyển chỗ ở	nhân khẩu	1	1.674.000	1.674.000		Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai, Nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do ông Hai Cận, bà Ghết tự bao chiếm, quản lý sử dụng trước năm 1995. Năm 2001 bà Ghết bán lại cho ông Huỳnh Văn Sâm (vợ bà Bùi Thị Thu Thảo. Năm 2003 bà Thảo bán lại cho ông Nguyễn Văn Đe.	Đủ điều kiện bồi thường cây trồng, hoa màu theo Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024. Đơn giá áp theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang											Dừa D	2	211.000	422.000												Năm 2023, ông Đe mất giao lại quyền sử dụng đất lại cho vợ là Thị Quá quản lý sử dụng. Sau đó cho lại bà Nguyễn Thị Ngọc Bích (con gái ruột) quản lý sử dụng cho đến nay. Hiện trạng trên đất không có nhà	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 11 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh An Giang.
		ĐC thường trú: 223/22 Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang											Bông trang Đ	6	150.000	900.000												Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	
		ĐT: 0345281187											Nhàu G	3	60.000	180.000													
													Mai vàng E	4	72.000	288.000													
													Chuối A	15	132.000	1.980.000													
													Chuối B	25	76.000	1.900.000													

STT	Số PA	Họ và tên Năm sinh, CCCD, địa chỉ thường trú	Số khảu	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Đất đai						Cây trồng, hoa màu				Nhà, Vật kiến trúc, Các công trình trên đất							Bồi thường, hỗ trợ khác					Tổng thành tiền	Cơ sở pháp lý	
							Diện tích (m^2)	Tỷ lệ mất đất (%)	Đơn giá bồi thường	Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền bồi thường về đất	Thành tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề	Loại cây	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạng mục	Mã	Đơn vị tính	Diện tích	Diện tích ảnh hưởng	Đơn giá	Thành tiền	Loại bồi thường, hỗ trợ khác	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Các thông tin được địa phương xác nhận về nguồn gốc đất, nhà vật kiến trúc trên đất	Căn cứ cơ sở pháp lý
													Chuối C	11	34.000	374.000															
36	**36**	**Nguyễn Kim Yến**					**61,61**				**0**	**0**		**0**		**0**							**0**					**0**	**0**		
		Năm sinh: 1986; CCCD: 091186014958		11	1258 + 1259 + 1260	Đất rừng phòng hộ	61,61		0		0																			Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai, Nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. Đất do ông Hai Cận, bà Ghết tự bao chiếm, quản lý sử dụng trước năm 1995. Năm 2001 bà Ghết bán lại cho ông Huỳnh Văn Sâm (vợ bà Bùi Thị Thu Thảo). Năm 2006 bà Thảo bán lại cho bà La Lâm Phụng, cùng năm bà Phụng bán lại cho ông Phương. Năm 2010 ông Phương bán lại cho bà Nguyễn Kim Yến. Năm 2012 bà Thảo bán tiếp phần đất còn lại cho ông Đinh Văn Khôi.	
		ĐC thửa đất: KP Lê Anh Xuân đường Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang																												Năm 2014 ông Khôi bán lại cho bà Yến (có cung cấp giấy tay mua bán). Hiện trạng trên đất không có nhà, bà Yến quản lý sử dụng cho đến nay.	
		ĐC thường trú: 313/8 Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang																												Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	
		ĐT: 0834.977911																														
37	**37**	**Lâm Văn Tùng**					**7,71**				**0**	**0**		**0**		**0**							**0**					**0**	**0**		
		Năm sinh: 1977; CCCD: 091077018016		11	1259	Đất rừng phòng hộ	7,71		0		0																			Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thông tin người dân kê khai, nguồn gốc đất này ngoài đê quốc phòng. do UBND phường Vĩnh Quang (cũ) quản lý (theo Sổ mục kê năm 1995 ghi nhận thuộc tờ 76, thửa 44).	
		ĐC thường trú: Số 219/7 Võ Trường Toản, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang																												Năm 2014 Ông Lâm Văn Tùng mua lại của bà Nguyễn Kim Yến (có cung cấp giấy tay mua bán), sau đó cải tạo san lấp mặt bằng lấn ra thêm.	
		Vợ: Lê Thị Nhi																												Năm 1997, ban hành Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Kiên Giang vv giao đất và cấp giấy CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển thuộc Thị xã Rạch Giá (theo GCN số K 469529 cấp ngày 25/12/1997). Đến năm 2004, ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 cấp GCN CNQSDĐ quy hoạch rừng phòng hộ ven biển ((theo GCN số X 165340 cấp ngày 27/4/2004)	
38	**38**	**Đất nhà nước quản lý**					**480,26**				**0**	**0**		**0**		**0**							**0**					**0**	**0**		
						Đất NNQL	480,26		0		0																				

TỔNG CỘNG: **7.914.049.219 đồng** ***(Bằng chữ: Bảy tỷ chín trăm mười bốn triệu không trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm mười chín đồng)***

Rạch Giá, ngày 13 tháng 11 năm 2026

NGƯỜI LẬP PHƯƠNG ÁN

Phạm Ngọc Sơn

ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG RẠCH GIÁ TỈNH AN GIANG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Võ Văn Tý

PHÓ GIÁM ĐỐC